

ENGLISH TEST 01

I. PRONUNCIATION

- | | | | |
|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------|
| 1. A. <u>g</u> round | B. <u>s</u> hould | C. <u>a</u> bout | D. <u>m</u> ountain |
| 2. A. <u>t</u> ables | B. <u>n</u> oses | C. <u>b</u> oxes | D. <u>c</u> hanges |
| 3. A. <u>s</u> on | B. <u>s</u> ugar | C. <u>s</u> oup | D. <u>s</u> ing |
| 4. A. <u>b</u> rush | B. <u>m</u> useum | C. <u>l</u> unch | D. <u>d</u> rugstore |
| 5. A. <u>p</u> lay | B. <u>s</u> ays | C. <u>d</u> ay | D. <u>s</u> tay |
| 6. A. <u>o</u> range | B. <u>c</u> abbage | C. <u>l</u> emon <u>a</u> de | D. <u>s</u> ausage |
| 7. A. <u>c</u> hest | B. <u>l</u> unch | C. <u>b</u> ench | D. <u>s</u> chool |
| 8. A. <u>n</u> oodles | B. <u>s</u> houlders | C. <u>p</u> ackets | D. <u>t</u> omatoes |
| 9. A. <u>c</u> lown | B. <u>d</u> own | C. <u>o</u> wn | D. <u>t</u> own |
| 10. A. <u>i</u> nter <u>s</u> ection | B. <u>e</u> ra <u>s</u> er | C. <u>b</u> ook <u>s</u> tore | D. <u>h</u> istory |

II. STRESS

- | | | | |
|-----------------|--------------|--------------|--------------|
| 1. A. beautiful | B. vegetable | C. breakfast | D. apartment |
|-----------------|--------------|--------------|--------------|
- Nhấn vào âm eau: iu, nhấn âm e, ea: eik, âm a
- | | | | |
|------------------|-------------|------------|--------------|
| 2. A. toothpaste | B. sandwich | C. cartoon | D. chocolate |
|------------------|-------------|------------|--------------|
- Nhấn vào âm oo:u,a,o
- | | | | |
|---------------|--------------|--------------|---------------|
| 3. A. aerobic | B. ac'tivity | C. badminton | D. basketball |
|---------------|--------------|--------------|---------------|
- Nhấn vào âm ae, a
- | | | | |
|-------------|----------|------------|------------|
| 4. A. visit | . unload | C. receive | D. correct |
|-------------|----------|------------|------------|
- Ko nhấn âm ic , it, un, re
- | | | | |
|--------------|------------|------------|-----------|
| 5. A. police | B. gymnast | C. teacher | D. farmer |
|--------------|------------|------------|-----------|
- Ko nhấn âm o khi bị biến đổi thành âm ơ, ko nhấn đuôi er
- | | | | |
|------------------|--------------|--------------|--------------|
| 6. A. 'different | B. dangerous | C. difficult | D. delicious |
|------------------|--------------|--------------|--------------|
- Nhấn vào âm a khi đọc âm a thành ei(ây), nhấn âm di khi từ có 3 âm tiết, có đuôi cious nhấn ngay trước nó

III. SẮP XẾP CÂU THEO TỪ GỢI Ý, KO THÊM TỪ

- Lunch / a / grandfather / after / always / sleep / has.
.....
- famous / reading / I / people / about / like / books.
.....
- to work / she / how / travel / does / morning / every?
.....
- practice / you / every day / should / speaking / English.
.....
- listen/ she's/ and/ going/ to/ pop music/ book/ read/ to/ a.
.....

IV. VIẾT LẠI CÂU SAO CHO NGHĨA KHÔNG ĐỔI

- That book belongs to Nam. -> That is.....
- What is the age of Peter ?-> How?
- No one in our class is taller than Nam .-> Nam is the
- Mr. Hung drives very carefully.->Mr. Hung is
- Does your father cycle to work?->Does your father get?
- Why don't we go to the movies tonight?-> What about.....?
- She doesn't have classes on Sunday .-> She never.....
- How wide is BaDinh square->What.....?

ĐỀ 1 G6

10 Reading is more boring than watching TV->Watching Tv is more.....

V. CHỌN ĐÁP ÁN

1. My father is man.
A. a old B. an old C. not young D. not very young
2. What was the matter with him? He a toothache
A. to have B. have C. has D. had
3. Do you have any toothpaste? I'd like a large
A. tin B. roll C. bar D. tube
4. What does Peter study at school? - He has Maths, English, Art....
A. objects B. subjects C. food D. drink
5. Bangkok is capital of Thailand.
A. a B. one C. X D. the
6. There are girls in his class.
A. not B. no C. none D. any
7. she plays the piano!
A. How beautiful B. How beautifully C. What good D. What well
8. On we often go out.
A. nights of Saturday B. Saturday nights C. Saturday's nights D. none is correct
9. I don't want much sugar in coffee. Just, please.
A. little B. a little C. few D. a few
10. The weather is today than yesterday.
A. much better B. very better C. too better D. so better
11. A. Always they do their homework. B. They always do their homework.
C. They do their homework always. D. They always do their homeworks.
12. Why do you like Music? Because I like
A. to read B. to draw C. to write D. to sing
13. It's very hot. Why go swimming?
A. not we B. not C. don't we D. Both B & C are correct
14. At an intersection, you slow down.
A. can B. should C. must D. have
15. Which word has the final sound /s/:
A. bananas B. carrots C. apples D. guavas
16. Don't move. You have a leg.
A. break B. breaking C. broke D. broken
17. If there aren't any trash cans, we should put it in a bag and
A. take it to our home B. take it to home C. take it home D. take it back our house
18. Make sure is no traffic.
A. they B. it C. there D. some
19. Let's eat here. The seems very good.
A. list B. paper C. programme D. menu
20. Don't electricity.
A. save B. waste C. use D. leave

VI. ĐẶT CÂU HỎI CHO PHẦN GẠCH CHÂN

1. He often does his homework in the evening.
.....
2. She is practicing the piano
.....
3. I usually play soccer after school

ĐỀ 1 G6

4. We are going to stay there for a week.

5. Minh goes swimming with his friends.

6. I wait for my friends everyday.

7. The children are in the library.

8. He has math on Monday and Thursday.

9. She buys some milk at the store.

10. It is 2kilometers from my house to the market.

VII. CHO DẠNG ĐÚNG CỦA TỪ TRONG NGOẶC THEO THÌ

1. He (do) our work now. But he will go with you when he (finish)it.

2. On my way home I often (meet) many children who (go)to school.

3. The sun (rise) in the east and (set) in the west.

4. Mary (not work)today because it's Sunday.

5. My father and I (visit)Ha Long Bay this summer vacation.

6. You mustn't (eat)food in the classroom.

7. Let's (help)..... mom, Lan. She (clean)..... the floor.

8. Look! The plane (fly)towards the airport. It (land)

9. Why we (not/ go)..... to Ha Long Bay this summer?

10. What (be)there (eat).....

VIII. CHO DẠNG ĐÚNG CỦA ĐỘNG TỪ TRONG NGOẶC

2. She sent her best wishes for my future..... (HAPPY)

3. Theof this tree are very green and beautiful. (LEAF)

4. Mr Pike lives on thefloor of this building . (NINE)

5. The coffee is too.....for me to drink. (HEAT)

6. Who is the.....person in the world? (rich)

7. What is the.....mountain in the world? (HIGH)

8. He is a famous football..... (PLAY).

9. They are to their teacher (TALK).

10. English is anand important subject.(INTEREST)

Động từ (verb)	Tính từ (adj)	Danh từ (noun)	TRẠNG TỪ(ĐÚNG SAU ĐỘNG TỪ)
	HAPPY	HAPPINESS	HAPPILY
		LEAF – LEAVES: LÁ	
		NINE (SỐ ĐẾM – THE NINTH(SỐ THỨ TỰ	
	HOT: NÓNG	HEAT: NHIỆT	
	RICH – THE RICHEST(SO SÁNH NHẤT	THE RICH(NGƯỜI GIÀU)	
	HIGH: CAO – THE HIGHEST: CAO NHẤT	HIGH	HIGH
PLAY		PLAYER: CẦU THỦ PLAY: VỞ KỊCH	

ĐỀ 1 G6

TALK: NÓI CHUYỆN	TALKATIVE: NÓI NHIỀU	TALKER: NGƯỜI NHIỀU CHUYỆN	TALKATIVELY
INTERESTED IN: QUAN TÂM, THÍCH	INTERSTED: QUAN TÂM(DÀNH CHO NGƯỜI) INTERESTING: THÚ VỊ (DÀNH CHO VẬT	INTEREST (INTERESTS)	